

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1977; Nơi ĐK HKTT: tổ C, phường N, quận S, thành phố Đ. Nơi cư trú hiện nay: K T, phường T, quận S, thành phố Đ.

- *Bị đơn*: Ông Trần C, sinh năm: 1971; Nơi ĐK HKTT: tổ C, phường N, quận S, thành phố Đ. Nơi cư trú hiện nay: P309 chung cư A Làng C đường L, tổ I, phường N, quận S, thành phố Đ.

Căn cứ Điều 212, 213; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/02/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đặng Thị T và ông Trần C (*Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị T và ông Trần C nên giấy chứng nhận kết hôn số 74 do UBND phường N cấp ngày 08/6/1999 không còn giá trị pháp lý*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Đặng Thị T và ông Trần C thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: bà Đặng Thị T và ông Trần C xác định có 03 con chung là Trần V, sinh ngày 08/12/1994, Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 11/02/2000 và Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 26/3/2002. Các con chung đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: bà Đặng Thị T và ông Trần C xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: bà Đặng Thị T và ông Trần C xác định không có.

3. Án phí HNGĐ-ST:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Đặng Thị T, ông Trần C mỗi người chịu 75.000 đồng nhưng bà T tự nguyện chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP Đ biên lai thu số 0003139 ngày 09/12/2024. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị T số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo biên lai thu số 0003139 ngày 09/12/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận S, thành phố Đ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung

